



	Nhân viên y tế+ thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0
	Bảo vệ, lao công	2	0	0	0	0	2	0	0
<b>Tổng</b>									

**b. Số lượng, tỷ lệ lượng giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp**

- Số lượng: 07 giáo viên, đạt tỷ lệ 1,75 giáo viên/lớp.

- 09/09=100% cán bộ, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp.

**c. Số lượng tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định**

- Tổng số 12/12 giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm.

**2. Thông tin cơ sở vật chất**

**a. Diện tích khu đất xây dựng trường, diện tích tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định**

- Tổng diện tích xây dựng: 986 m<sup>2</sup>

- Diện tích bình quân tối thiểu 1 trẻ: 11 m<sup>2</sup> (thiếu 1 m<sup>2</sup>/trẻ theo Thông tư 13/2020 ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT)

**b. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị, khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em, khối phòng tổ chức ăn, khối phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật, đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.**

TT	Các phòng	Năm học 2024-2025	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em</b>	4	
	Phòng kiên cố	4	
	Phòng bán kiên cố	0	
	Phòng tạm	0	
<b>II</b>	<b>Khối phòng hành chính quản trị</b>	3	
	Phòng kiên cố	3	
	Phòng bán kiên cố	0	
	Phòng tạm	0	
<b>III</b>	<b>Khối phòng tổ chức ăn</b>	1	
<b>IV</b>	<b>Các công trình, khối phòng chức năng khác</b>	0	

<b>Cộng</b>	8	
-------------	---	--

*c. Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định*

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng (ĐVT:bộ)</b>	<b>Bình quân</b>
1	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu	4	01 bộ/lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	4	Đảm bảo
3	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện còn thiếu theo quy định	0	
4	Đồ chơi tự làm	12	03 bộ/lớp

*d. Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác*

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Bình quân</b>
1	Tổng số đồ chơi ngoài trời	4	
2	Một số thiết bị điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng: giường ngủ, chăn chiếu, ca cốc, hệ thống thiết bị khu vực bếp...	Đủ 4 lớp	Đảm bảo

### **3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục**

*a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá*

Công tác tự đánh giá của nhà trường đã thực hiện đảm bảo đúng quy trình, kế hoạch, thời gian và thu được nhiều kết quả.

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 + Mức 1:

Số lượng tiêu chí đạt 25/25 tiêu chí, đạt tỉ lệ:100%;

Số lượng tiêu chí không đạt 0/25 tiêu chí

+ Mức 2:

Số lượng tiêu chí đạt 22/25 tiêu chí, đạt tỉ lệ: 88%;

Số lượng tiêu chí không đạt 3/25 tiêu chí, đạt tỷ lệ 12%

- Mức đánh giá của trường: Mức 1

*b. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của nhà trường qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong thời gian 05 năm tiếp theo và hằng năm:* Không có

**4. Thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp:**

- Không có

## **II. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON**

**1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường trong năm học 2025-2026**

*a. Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan.*

*b. Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục*

*c. Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội*

*d. Thực đơn hàng ngày của trẻ em*

*đ. Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định*

- Không có

*Các văn bản kèm theo: Kế hoạch tuyển sinh, Kế hoạch giáo dục, Quy chế phối hợp, Thực đơn hàng ngày...*

**2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em năm học 2024-2025**

*a. Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp*

Tổng số 4 lớp với 96 học sinh

- Lớp Nhà trẻ: 16 trẻ

- Lớp 3 tuổi: 25 trẻ

- Lớp 4 tuổi: 24 trẻ

- Lớp 5 tuổi: 31 trẻ

*b. Số trẻ học lớp ghép:*

- Không có

*c. Số trẻ học 02 buổi/ngày:*

- 96/96 trẻ học 2 buổi/ngày

*d. Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú:*

- 96/96 trẻ ăn bán trú

***đ. Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ***

- 96/96 trẻ

***e. Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi***

- Được công nhận đạt phổ cập giáo dục hằng năm

***g. Số trẻ khuyết tật***

- Không có

**3. Thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp**

- Không có

***Nơi nhận:***

- Bảng tin nhà trường;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, HS công khai.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Hoàng Thị Mai**

**TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH**  
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 16:00 09/09/2025  
bởi Admin Trường (31317303) – Trường mầm non Hoàng Châu

